

MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA TÂY NGUYÊN QUA SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC VỀ TÂY NGUYÊN

■ Hoàng Sĩ Nguyên*, Lê Thanh Toàn**

TÓM TẮT

Quan hệ văn hóa - văn học là mối quan hệ hữu cơ; văn hóa cung cấp chất liệu cho văn học; văn học góp phần phát huy, lan tỏa, bảo tồn văn hóa. Sáng tác của Nguyễn Ngọc về Tây Nguyên là một trong những sản phẩm tiêu biểu của mối quan hệ này. Những thiên nhiên, đất nước, con người; những phong tục, lễ hội của vùng đất Tây Nguyên đã được thể hiện trong các tác phẩm của Nguyễn Ngọc một cách sinh động, phong phú, giàu bản sắc. Bài viết này nhằm làm sáng rõ những thành công đó trong các sáng tác của nhà văn vốn gắn bó máu thịt với vùng đất này - nhà “Tây Nguyên học” Nguyễn Ngọc!

ABSTRACT

Some of Highlands culture features through Nguyen Ngoc's composition about highlands

The cultural - literature relation is an organic - culture relationship provide the material to literary; literary contributes to the promotion, spread, cultural preservation. Nguyen Ngoc's composition about Highlands is one of the typical products for this relationship. The nature, country, man, customs, festivals about Highlands region are shown in Nguyen Ngoc's works vividly, abundance, richly. The writing aims to clarify the success in the writer's compositions - the one who was used to have sticking flesh – the Highlands writer – Nguyen Ngoc.

1. Đặt vấn đề

1.1. Quan hệ văn học - văn hóa là vấn đề lý luận, đồng thời là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn trong nghiên cứu văn hoá, văn học, cũng như lý luận văn học. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực của sự phát triển. Nghệ thuật là dạng hoạt động đặc biệt của văn hoá, vì nó có khả năng phản ánh mọi phương thức hoạt động của bất cứ lĩnh vực nào, thông qua hệ thống hình tượng. Trong lĩnh vực nghệ thuật, văn học được xem là nhân tố quan trọng kết tinh văn hoá. “Sáng tạo của lĩnh vực nghệ thuật nào cũng là một khâu trong toàn bộ đời sống văn hoá, nhưng nghệ thuật văn chương bao giờ cũng được xem như một lĩnh vực đặc biệt trong cái đặc biệt của nghệ thuật nói chung” [1, tr.34].

Quan hệ giữa văn hoá và văn học lâu nay đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến. Song, để soi chiếu vào các tác phẩm cụ thể, sự nghiệp sáng tác của một nhà văn cụ thể chúng tôi thấy còn rất ít. Tìm hiểu đặc trưng văn hóa vùng miền qua văn học là một hướng tiếp cận tích cực, hữu ích. Từ cách nhìn này, chúng tôi đi vào tìm hiểu, nghiên cứu nhóm đặc trưng văn hóa vùng miền qua các tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu. Bài viết này là một trong những thành quả của vấn đề mà chúng tôi đã và đang thực hiện.

1.2. Cách tiếp cận của bài viết không đi sâu vào góc nhìn thi pháp học, tức khảo sát các thành tố văn hóa Tây Nguyên tác động như thế nào vào cách nhìn, cách khai thác con người trong lời nói, suy nghĩ, hành động...; mà đi từ góc nhìn văn

*TS, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội - Cơ sở miền Trung.

**ThS, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội - Cơ sở miền Trung.

hóa học, tức xét đặc trưng văn hóa Tây Nguyên như bình diện hiện thực được nhà văn Nguyên Ngọc thể hiện như thế nào trong tác phẩm, thống kê, mô tả sự xuất hiện đó như tên bài viết đã nêu.

1.3. Hiếm có nhà văn nào trong cuộc đời cầm bút của mình lại gắn bó máu thịt với vùng đất Tây Nguyên như Nguyên Ngọc. Từ tuổi thanh xuân đến lúc đầu bạc, chưa bao giờ Nguyên Ngọc thôi suy tư, tìm hiểu, sống sâu với văn hoá Tây Nguyên; để rồi, sản sinh ra những đứa con tinh thần mang đầy hơi thở của con người và hơi núi, hơi sông Tây Nguyên. Nhà văn Nguyên Ngọc cũng đã nhiều lần khẳng định vị trí của văn hoá Tây Nguyên trong các sáng tác về đề tài này của mình. Ở bài viết “Cuộc đời và tác phẩm”, ông đúc kết: “Bao giờ sự sáng tạo cũng phải có nguồn gốc từ thực tế và được khái quát từ nhiều kinh nghiệm sống. Sở dĩ tôi có thể viết được về Núp, hình dung được tâm trạng, hành động của Núp là nhờ có thời gian dài tôi sống và gắn bó với Tây Nguyên” [2, tr.351]. Lý giải về sự thành công của những sáng tác về đề tài Tây Nguyên, nhà văn tâm sự “Nói đến Tây Nguyên người ta thường hay nghĩ, nói ngay đến thiên nhiên, núi non, rừng rú, cảnh quan lạ lùng của nó. Tất nhiên cái đó là đúng và cũng tác động đến người mới bước chân đến đây. Nhưng còn quan trọng hơn nhiều, theo tôi, là nền văn hoá của nó (...). Các dân tộc Tây Nguyên đã “cấy trồng” trên đất đai núi rừng của mình một nền văn hoá lớn, cực kì độc đáo và đặc sắc, lâu đời và bền vững” [2, tr.91].

Qua sáng tác của Nguyên Ngọc, Đất và Người Tây Nguyên được hiện lên khá phong phú, sinh động và hấp dẫn. Từ vị trí địa lí, sông hồ, sinh vật, thổ nhưỡng đến dụng cụ lao động, công chiêng, nhà rông, tính cách sống, phong tục, lễ hội,... tất cả đều “đọc” được qua sáng tác đó. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ giới thiệu một số nét tiêu biểu: Thiên nhiên hùng vĩ, nguyên sơ và trong sạch; Văn hoá làng; Văn hoá Lễ hội; Văn hoá Nhà rông; Văn hoá công chiêng.

2. Nội dung

2.1. Thiên nhiên hùng vĩ, nguyên sơ và trong sạch

Tổ quốc ta là xứ sở của những ngọn núi, dòng

sông. Đồi núi chiếm tới ba phần tư diện tích lãnh thổ và trải dài trên toàn lãnh thổ là một mạng lưới sông ngòi dày đặc. Đồi núi nhiều nhưng cảnh sắc chẳng bao giờ trùng lặp. Nếu núi Đông Bắc thấp, rải rác thì núi Tây Nguyên cao, nối kết dày đặc và hùng vĩ. Trong *Trường ca Đăm San*, chúng ta bắt gặp một thiên nhiên có núi rừng, sông suối nguyên thủy. Trong các sáng tác về Tây Nguyên của Nguyên Ngọc, thiên nhiên không còn huyền bí như trong các bản Trường ca nữa mà gắn bó thân mật với con người. Tuy nhiên, không phải vì thế mà thiên nhiên đã mất hết vẻ nguyên sơ, dữ dội và hùng vĩ của nó. Vẫn còn đó một thiên nhiên Tây Nguyên với những dáng vẻ, “đức tính” riêng biệt. Chẳng hạn, đoạn văn sau đây trong *Tháng Nùng Nong*: “Mùa mưa rừng Tây Nguyên ai đã từng nếm qua, hẳn nhớ đời... Mỗi mùa mưa lại như một lần khai thiên lập địa trở lại. Từng trái núi khổng lồ đổ ập xuống, và từng dãy núi dài cao vút mọc lên”.

Sáng tác của Nguyên Ngọc thường bị thu hút rất mạnh bởi không gian thiên nhiên mở: cao rộng và hoành tráng. Trong *Rừng xà nu*, Nguyên Ngọc đã ba lần miêu tả: “Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời”. Như một điệp khúc, hình ảnh rừng xà nu mệnh mệnh lặp lại ba lần làm nổi bật vẻ rộng lớn và kì vĩ, gợi sức mạnh tiềm tàng, bất diệt của con người Tây Nguyên đang ngày ngày đối chọi với kẻ thù xâm lược hung bạo. Trong những rừng xà nu nối tiếp đó còn có hàng trăm làng như làng Xô man của Tnú đang ngày ngày mài gươm giáo, cầm chông chờ sẵn kẻ thù. Cây xà nu bao bọc quanh làng, “nối tiếp nhau...” đến “hút tầm mắt” đã truyền niềm tin cho con người. Tnú đi đến đâu cũng thấy bóng cây xà nu. Miền đất nào anh chiến đấu cũng là miền đất thân thuộc vì có hình bóng cây xà nu. Xà nu hiện ra trước mắt, hiện ra trong kỷ niệm, in sâu trong tâm khảm Tnú.

Núi Ngọc Linh là niềm tự hào của Tây Nguyên. Trong *Rừng xà nu*, Tnú đã hai lần lên núi Ngọc Linh, mỗi ngày đi ba ngày đường để lấy đá trắng về học chữ Bok Hồ và lấy đá mài về cho dân làng mài gươm, mài giáo đánh giặc.

Trong *Tháng Nùng Nong*, nhà văn đã tả tỉ mỉ hơn về ngọn núi này và một làng bản của người Tơ Trá.

Đề tạo không khí linh thiêng, nghiêm trang và huyền bí cho các câu chuyện kể, Nguyên Ngọc thường gọi nhắc một không gian nguyên sơ xa vắng. Không gian đó là những nốt lặng cảm thức, đầy suy tư, phù hợp với tính cách trầm lặng của người miền núi. Đó là không gian lũ làng Kông Hoa nghe Bok Sung kể chuyện *Lưỡi guom ông Tú*. Đó là không gian đêm làng Xô man nghe cụ Mết kể chuyện về Tnú...

Vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên, sức sống mãnh liệt và bất tận của thiên nhiên đã làm phong nền cho vẻ đẹp hoành tráng của con người Tây Nguyên trong các sáng tác của Nguyên Ngọc.

2.2. Văn hoá làng

Trong hệ thống tổ chức xã hội Tây Nguyên cổ truyền, làng có vị trí quan trọng đặc biệt. Các dân tộc ở khu vực này trước kia sống trong một dạng xã hội hầu như tương tự nhau: đó là xã hội cộng đồng vào giai đoạn cuối thời kì nguyên thủy. Nếu có sự khác biệt giữa các dân tộc thì những sự khác biệt đó chủ yếu ở quan hệ huyết tộc và thân tộc. Ngày nay, dấu trái qua nhiều biến thiên của lịch sử, cộng đồng xã hội cơ bản của các dân tộc Tây Nguyên vẫn hầu như tương tự nhau. Đó là các buôn của người Êđê, Mơnông..., các Poloi của người Gia rai..., các Polây của người Bana, Xơ đăng... các gia đình của các buôn, Polây, Poloi... tập trung theo từng cụm nhà ở các sườn núi, triền núi, ven suối chứ không rải rác theo xóm như trong làng của người Việt. Có khi cả một cộng đồng ở chung trong một ngôi nhà dài: “Nhà Tây Nguyên không bao giờ ngăn thành từng buồng kín riêng biệt. Nhà dài đến năm ba chục mét, hàng chục hộ cùng sinh sống, cũng cứ thông thống từ đầu này đầu kia, mỗi hộ một cái bếp, cả nhà là một cộng đồng thông thương và khăng khít, cái riêng nằm chan hoà giữa cái chung” (*Tháng Nùng Nong*). Dù tập tục bố trí nhà trong làng không giống nhau, nhưng lối sống quần cư mật tập là phổ biến của các dân tộc Tây Nguyên. Điều này khác với nhiều tộc người miền núi ở phía Bắc. Trong các sáng tác của Tô Hoài về vùng núi Tây Bắc, chúng ta không thấy

có một ngôi nhà cộng đồng nào. Nhà của Thống lý Pá Tra (*Vợ chồng A Phủ*) vào loại to nhất làng nhưng cũng được phân chia từng khu riêng biệt: “Mì bành hoàng tỉnh. Buổi sáng âm âm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng” [3, tr.94].

Nói đến văn hoá làng người ta thường lưu ý đến các tập quán của làng. Có những tập quán tích cực nhưng cũng có những tập quán tiêu cực. Dưới thời phong kiến, thuộc địa, những hủ tục thường rất nặng nề ở các làng miền núi. Nhà văn Tô Hoài đã xây dựng rất chân thực và sinh động những hủ tục ở các làng miền núi Tây Bắc. Đọc *Truyện Tây Bắc*, người đọc dễ dàng nhận ra một Hồng Ngài với hủ tục cho vay nặng lãi, hủ tục trói buộc tự do của con người bằng lễ trình ma, và nặng nề nhất là những kẻ thống trị làng xem chân lý trong một cuộc xử kiện chỉ là: “Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp...” [3, tr.96]. Đọc các sáng tác viết về Tây Nguyên của Nguyên Ngọc, chúng ta ít thấy những nỗi ám ảnh nặng nề về các hủ tục của làng như thế. Dưới chế độ cũ, làng của các dân tộc Tây Nguyên cũng không thiếu những kẻ nhà giàu theo chân Pháp để hà hiếp dân làng (như bọn nhà giàu ở làng Hà Ro trong Đất nước đứng lên), nhưng có lẽ Tây Nguyên ít hủ tục nặng nề nghìn đời hơn ở vùng núi phía Bắc.

Trong *Mùa xuân hoa trắng*, Nguyên Ngọc có đề cập đến một tập tục trả thù mù quáng của dân làng nơi Y Túc sống, nhưng hầu như không phải chủ ý phê phán mà nghiêng về khắc hoạ khí chất của người con trai Tây Nguyên: “Khi người làng mở trói cho Y Túc, thì lửa đã cháy trong hai mắt anh. Không nói không rằng, Y Túc cầm một con giáo dài, lên ngồi giữa đèo Krông...”. Câu chuyện cũ ám đạm chỉ là nốt nhạc trầm cho cái đẹp hôm nay được thăng hoa: “Từ khi bộ đội về, lũ làng đã bỏ tục giết người trả thù trên đèo Krông. Nhưng cứ quen như ngày xưa, người qua đèo cũng cứ bỏ một nhánh lá vào đồng lá mỗi ngày một cao...”. Những nhánh cây rừng hiền hoà đã thay cho lưỡi mác với những cuộc chém giết vô lý. Nó như tín hiệu trả lại bản nguyên tâm linh vị tha và tình cảm láng giềng bền chặt của người dân trong làng Tây Nguyên vậy!

Làng của Tây Nguyên được hình thành từ

nền văn minh trồng cây lúa khô nương rẫy. Đó là một hình thức xã hội gần như duy nhất và cũng là cội nguồn của nền văn hoá bản địa. Về đẹp của văn hoá cộng đồng làng trong lao động sản xuất đã trở thành vẻ đẹp đoàn kết của bản anh hùng ca chống kẻ thù xâm lược trong thời đại mới của các buôn làng Tây Nguyên. Sự cuu mang đùm bọc trong lao động, trong quan hệ láng giềng đã trở thành chuẩn mực của giá trị đạo đức, đạo lý và nhân cách, như một nguyên tắc lớn nhất của quan hệ cộng đồng làng. Trong cơn đói gạo, đói muối quay quắt của cả làng, Núp đã nhường số lương thực của gia đình mình cho Ghíp, cho lũ làng, cho con nít... Núp thiết tha nói với vợ: “Phải cho Ghíp ăn. Bây giờ đang đánh Pháp, để người chết đói không được... mai một tôi đi vô rừng đào củ mài, bẻ rau ăn cũng được”. Tiểu đội trưởng Y Kơ - Bin trong *Kỷ niệm Tây Nguyên*, “lớn lên không có mẹ. Một ông cụ đem anh về nuôi ở nhà rẫy”. Anh Giải phóng quân Tnú trong *Rừng xà nu* “Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta”... Như mật ong Tây Nguyên hút nhụy từ hoa rừng, tình cảm láng giềng đã kết tụ thành tình cảm cách mạng cao đẹp, cảm động.

Gốc rễ của văn hoá cộng đồng cũng chính là chất phì nhiêu màu mỡ, kết dính như đất đỏ Ba Zan tình cảm Kinh - Thượng, tình cảm với đồng chí Người Đảng: “Đi lên bờ, chị Liêu công con chạy theo sau, tháo cái chân của con, trèo lên vai anh Thế... Liêu kéo chân đỡ cho anh Thế tới cỏ... Bà mẹ bỏ đi rẫy, ngồi miết với anh Thế”. “Lũ làng mang hột gà tới cho anh Thế để đây một rổ ở đầu giường. Ban đêm, một thanh niên, một phụ nữ tới ở chung với anh, nói chuyện, hát cho anh Thế khỏi buồn”. Đó chính là sức mạnh đoàn kết, đại đoàn kết của truyền thống dân tộc Việt Nam.

Làng là đơn vị cơ bản duy nhất về hành chính ở Tây Nguyên. Nguyên Ngọc đã lý giải: “Trong xã hội cổ truyền Tây Nguyên và đến nay vẫn còn rất đậm, làng là đơn vị cơ bản và duy nhất... Với họ, làng tức là đất nước, tức là Tổ quốc. Cộng đồng làng đói cùng đói, no cùng no. Không bao giờ có chuyện riêng ai chết đói. Có chết thì cùng chết cả làng.” [4, tr.65-71].

Trong sinh hoạt cộng đồng, mỗi khi nhà nào có việc liên được sự đóng góp chung của mọi người. Ghè rượu quý nhất của mỗi gia đình được đem đến chia sẻ. Niềm vui nỗi buồn của mỗi người cũng là niềm vui nỗi buồn chung của cả buôn làng. Cái sợ lớn nhất của con người ở đây là một khi bị buộc phải tách ra khỏi cộng đồng. Điều ấy còn sợ hơn cả cái chết.

2.3. Văn hoá Lễ hội

Lễ hội là một yếu tố quan trọng trong đời sống xã hội loài người. Ở mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc thì từng nét văn hoá của lễ hội chứa đựng những tính chất, đặc trưng riêng biệt, mang hơi thở của đời sống cụ thể, phương thức lao động và môi trường tự nhiên. Tây Nguyên có một nền văn hoá lễ hội hết sức sống động, phong phú, đa dạng của nhiều dân tộc anh em. Nó hình thành trong hoàn cảnh sống, lao động sản xuất gắn với núi rừng mệnh mông vô tận, “ghi nhận một sắc thái văn hoá riêng - văn hoá lấy con người làm chủ, lấy đất trời làm khuôn mẫu, văn hoá ấy là sự hài hoà của nắng mưa, của núi rừng và nương rẫy” [5, tr.85]. Kho tàng văn hoá lễ hội giàu có đó xuất hiện với tần số khá cao trong các sáng tác của Nguyên Ngọc ở tất cả các thời kì. Các lễ hội chủ yếu được chia thành hai mảng lớn: Lễ hội vòng đời (lễ thổi tai, lễ đặt tên, lễ trưởng thành, lễ cúng sức khỏe, lễ hỏi vợ, lễ cưới, lễ cúng đầu ồm, lễ bỏ mả...) và lễ hội nông nghiệp (lễ chọn đất làm rẫy, lễ đốt rẫy, lễ tía lúa - bắp, lễ ăn cơm mới, lễ mở cửa kho lúa, lễ cầu mưa, lễ cúng tạ ơn Giàng...). Sau đây, chúng tôi chọn khảo sát hai lễ hội ở hai cấp độ lớn, nhỏ khác nhau: lễ thổi tai và lễ hội Ning Nong.

Lễ thổi tai được tiến hành khi đứa bé vừa tròn tháng tuổi. Theo quan niệm nhân sinh của đồng bào Tây Nguyên, đứa bé chưa qua lễ thổi tai chưa phải là con người. Người ta thổi linh hồn qua lỗ tai để nó thành người. Linh hồn đó được thể hiện qua âm thanh của tiếng cồng chiêng và lời khấn. Âm thanh cồng chiêng tượng trưng cho lời vọng của truyền thống, lời truyền của cha ông, mở mang trí óc và chuyển nhập lời thì thầm của núi rừng, sông suối, đất đai quê hương cho đứa bé. Âm thanh của lời khấn tượng trưng cho những lời giáo huấn của tín ngưỡng tâm linh

đi qua lỗ tai là đường đi vào linh hồn của con người để truyền đạt, nhắc nhở và gửi gắm hy vọng. Như người trong cuộc, chứng kiến và yêu mến, Nguyên Ngọc đã say sưa ghi lại: "... Người đàn bà thổi tai thường là một bà đứng tuổi - để cho cái nhớ được bền chắc? - Bà cầm một cuộn chỉ bông, lấy ra từ chiếc xa quay, phun gừng mà bà đã nhai nát vào đó, rồi thổi bảy lần vào cuộn chỉ đặt sát vào tai đứa bé. Vừa thổi vừa khấn...". Trong lễ thổi tai, bản sắc mang khí chất văn hoá đặc trưng của con người Tây Nguyên cũng được thể hiện khá rõ qua việc chọn vật.. Lễ thổi tai - lễ tục văn hoá đẹp của đồng bào Tây Nguyên, vừa truyền thống, vừa hiện đại, chứa đầy khát vọng sống, ước mơ và hoài bão.

Mùa lễ hội Tây Nguyên tập trung và kéo dài nhất là ở ba tháng đầu năm dương lịch. Thời kì này, "hầu như không gian không mấy lúc vắng tiếng chiêng cồng "Ning Nong! Ning Nong". Có lẽ vì vậy, hai từ tượng thanh này được dùng chỉ những tháng hoạt động văn hoá dân tộc với mật độ cao: "Tháng Ning Nong" (Khei Ning Nong, tiếng Ba na)"[6, tr.452]. Trong sáng tác của Nguyên Ngọc, nhà văn đã lấy âm thanh này đặt tên cho một truyện ngắn đặc sắc của mình. Ở Tây Nguyên, đây là lúc lúa rẫy đã tuốt xong, thóc đã đóng vào kho. Con người muốn cảm ơn, trả ơn cho những lực lượng vô hình đã giúp họ làm mùa. Dẫu chưa dồi dào nhưng họ cũng không còn sợ đói nữa vì mới thu hoạch, họ thành thoi nghĩ đến các mối quan hệ với thiên nhiên, tổ tiên, người sống và người chết. Người Gia rai có câu hát nói lên không khí của mùa lễ hội này:

Dua păn blan ble ia hao, ia hang

Ronang blang, kotang huă băng klaol blan...

Nghĩa là:

Chín tháng ra mồ hôi, mồ kê

Ba tháng nghỉ ngơi ăn uống thoải mái.

Lễ hội thường diễn ra với nhiều nghi lễ khác nhau. Nhà văn Nguyên Ngọc đã chọn cách hành lễ của người Tơ Trá để miêu tả, như muốn gửi gắm thông điệp văn hoá đặc sắc, đầy sức cuốn hút này, mời gọi mọi người hãy một lần đến với Tháng Ning Nong Tây Nguyên: "Tháng Ning Nong Tơ Trá không chỉ có tiếng cồng chiêng. Còn có một phong tục lạ lùng khác nữa: đến

tháng đó, vào một ngày nhất định, cả làng vứt bỏ lại hết mọi thứ mà công cuộc tiến hoá hàng vạn hay hàng triệu năm đã đem lại cho người: rìu rựa, dao mác, nhà cửa, chiêng ché, gạo bắp, nồi niêu... Tất cả, tất cả.... người ta nói ngày trước cả quần áo nữa, cả làng theo già làng kéo nhau đi vào rừng thật sâu. Ở đó họ hú gọi linh hồn tổ tiên về cùng mình và họ sống lại đời sống nguyên thủy, hái lượm và săn bắt. Mười ngày, có khi nửa tháng, hay một tháng. Để làm gì vậy? Người ta bảo đấy là trở về với tổ tiên và tự nhiên, tắm gội con người trong suối sông cội nguồn đó...". *Tháng Ning Nong* của Nguyên Ngọc quả là như một bảo vật quý trong kho bảo tàng văn hoá dân tộc vậy!

Xã hội truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên cơ bản là xã hội cộng đồng cuối thời kì nguyên thủy, nên văn hoá lễ hội còn mang tính hồn nhiên, giao hoà với trời đất, thần linh, chưa phải ném trải nhiều cay đắng của xã hội có giai cấp như các dân tộc anh em khác ở miền Bắc (người Mường, người Thái, người Tây...). Bởi vậy, viết về văn hoá lễ hội Tây Nguyên, giọng văn của Nguyên Ngọc luôn hồ hởi, trong veo. Văn học chúng ta đang cần rất nhiều những trang viết bảo lưu văn hoá miền núi như thế!

2.4. Văn hoá Nhà rông

Nói đến văn hoá Tây Nguyên là nói đến nhà rông. Nhà rông không biết đã có mặt từ lúc nào, gắn bó máu thịt với cư dân như cơm ăn, nước uống. Nó là nét đẹp văn hoá riêng của buôn làng Tây Nguyên, là hồn cốt của vẻ đẹp sinh hoạt cộng đồng.

Sống giữa Trường Sơn bao la hùng vĩ, trong nền kinh tế tự cung, tự cấp suốt hàng thiên niên kỉ, nhà rông của cư dân bản địa Tây Nguyên được làm từ những nguyên liệu có sẵn, tốt nhất trong rừng Tây Nguyên: cột, sàn là gỗ cẩm lai, giáng hương; vách phen là cây lồ ô; mái lợp bằng tranh sắn; dây buộc bằng song, mây... Giữa khung cảnh không gian kì vĩ của núi rừng, mái nhà rông cao vút, vàng óng màu tranh hiện lên trên phong nền không gian xanh thẳm, hoành tráng của núi rừng luôn là một hình ảnh nên thơ, là niềm tự hào của buôn làng. Trong *Đất nước đứng lên*, *Rừng xà nu*, *Người dũng sĩ dưới chân núi Chư*

Pông... ta đều thấy những sự kiện trọng đại của đời người, của buôn làng diễn ra tại nhà rông.

Nhà rông xuất hiện trong *Đất nước đứng lên* mười bảy lần. Nó là hình tượng của uy quyền tuyệt đối, là biểu hiện thiêng liêng nhất của cộng đồng dân tộc. Nhà văn Nguyên Ngọc đã khai thác tối đa không gian này để tạo không khí thiêng liêng cho câu chuyện kể về những người con Tây Nguyên anh hùng. Ngọn lửa nhà rông luôn mang sức ám ảnh lớn. Nó là điểm hội tụ, là sức nóng truyền dẫn, soi sáng. Xung quanh ngọn lửa huyền ảo đó, Bok Sung đã bao lần kể chuyện *Lười giuom ông Tú*. Câu chuyện nhỏ mang ý nghĩa lớn, kết tụ dũng khí và tấm lòng của người dân Tây Nguyên với sông núi quê hương, với đồng bào người Kinh anh em. Bên bếp lửa bập bùng ở nhà rông, Núp đã giảng giải cặn kẽ cho dân làng hiểu về kẻ thù xảo quyệt, bàn chuyện đánh pháp, chuyện làm rẫy sớm, nói chuyện cách mạng, chuyện độc lập, chuyện Bok Hồ lãnh đạo cả nước đánh Pháp. Tại nhà rông, Núp thức tỉnh tinh thần cách mạng cho dân làng Đê-ta, Ba-Lang. Trong *Rừng xà nu*, dưới ánh sáng của lửa xà nu trong nhà rông, tiếng cụ Mết trầm vang: "Chém"! Xác của bọn thằng Dục đã nằm dưới lưỡi gươm, cả làng Xô man bắt đầu đồng khởi. Bên bếp lửa nhà rông, dân làng Xô man lũ lượt kéo nhau đến mừng Tnú trở về làng: "Cơm nước xong, từ phía nhà Ưng (tức nhà rông) có ai đấy đánh lên một hồi mõ dài ba tiếng...". Trong *Người dừng sĩ dưới chân núi Chư Pông*, Nguyên Ngọc đúc kết: "Suốt mấy mươi năm, trong căn nhà rông nóc nhọn như một mũi tên đứng sừng sững dưới chân núi Chư Pông, hàng chục thế hệ nối tiếp những thiếu niên, thanh niên làng này thường quây quần bên bếp lửa hồng, nghe cụ Xót kể về cuộc đời của đất nước, sông núi, của dân tộc Gia Rai". Chính tại nơi đây, cụ Xót đã trao cho Kơ long những bí mật về mũi tên A - kam gia truyền để anh trả thù cho dân tộc: "Đêm đó, khuya lắm trong nhà rông, bên bếp lửa bập bùng, trong tiếng gió biên giới gào rít, một mái đầu bạc phơ nghiêng xuống bên một mái tóc xanh. Giờ phút trang nghiêm ấy, long trọng như một buổi ăn thề: cụ già Xót ngoài tám mươi tuổi đời trao lại cho em bé Kơ Long mười bốn tuổi

ba mũi tên thuốc độc A - kam gia truyền". Ngọn lửa nhà rông đã trở thành ngọn lửa thiêng của trí tuệ, tài hoa và lưu giữ những giá trị truyền thống ngàn đời.

Nhà rông kết tụ truyền thống của bất khuất, nghĩa tình của bao thế hệ. Nhà rông là "quảng trường" cũng là "toà án" phân xử đúng sai, là chuẩn mực cho những ứng xử của con người Tây Nguyên; là trung tâm chỉ huy chiến đấu, chỉ đạo sản xuất, đồng thời cũng là nơi diễn ra những hoạt động tín ngưỡng và lễ hội của cộng đồng. Thật xúc động khi: "Ảnh Bok Hồ treo giữa nhà rông, dưới lá cờ. Mỗi buổi sáng, trước khi lên chòi canh gác, trước khi đi ra rẫy, lũ làng tập trung ở nhà rông chào Bok Hồ" (*Đất nước đứng lên*).

Có thể nói, nhà rông là không gian thực sự quan trọng trong việc nuôi dưỡng tâm hồn người dân Tây Nguyên. Dựng được không khí Tây Nguyên qua kiểu không gian độc đáo, Nguyên Ngọc quả là có một vốn sống sâu sắc và một niềm say mê thật sự đối với mảnh đất còn nhiều bí ẩn ấy. Ngôi nhà rông đi vào cả tiềm thức, tâm linh của con người, mãi mãi "bảo dưỡng" họ trong vẻ đẹp cội nguồn.

2.5. Văn hoá Cồng chiêng

Ở nước ta, nhiều dân tộc có văn hoá cồng chiêng, nhưng tập trung nhất là ở các dân tộc Tây Nguyên. Cồng chiêng có mặt trong tất cả các buổi lễ hội lớn nhỏ. Cồng chiêng ngân vang suốt cuộc đời của mỗi người trong cộng đồng. Lọt lòng mẹ, tiếng cồng chiêng đã "khai thông" cho đứa bé nhận ra sự ra đời của nó qua lễ "thôi tai". Cứ thế, đứa trẻ lớn dần theo nhịp cồng chiêng âm vang của lễ hội vòng đời: trưởng thành, trao vòng, mừng sức khoẻ... Trong văn hoá Tây Nguyên, cồng chiêng có mặt từ thời tiền sử. Trong bức tranh sinh hoạt của buôn làng Ê Đê (*Trường ca Dăm san*), cồng chiêng đã ngân vang không ngớt. Âm thanh kỳ lạ của tiếng chiêng như lay động cả không gian, làm ngưng đọng cuộc sống của mọi vật. Từ ngàn đời nay, qua bao biến đổi thăng trầm của lịch sử, qua bao biến động của buôn làng, tiếng cồng chiêng vẫn hoà quyện trong gió núi, mây ngàn Tây Nguyên, trong tâm hồn người xứ núi!

Là người am hiểu sâu sắc văn hoá Tây Nguyên, yêu Tây Nguyên, nhà văn Nguyên Ngọc đã yêu luôn tiếng cồng chiêng xao xuyến lòng người đó. Chưa có tác phẩm nào viết riêng về cồng chiêng, nhưng hầu như trong các sáng tác về Tây Nguyên, tác phẩm nào của Nguyên Ngọc cũng có sự góp mặt của âm thanh cồng chiêng. Đặc biệt, trong *Tháng Nùng Nong*, tiếng cồng chiêng là âm hưởng chủ đạo gợi thức kỉ niệm, lay động hồn người. “Tháng Nùng nong ở Tây Nguyên lạ lùng nhất là tiếng cồng chiêng... Suốt ngày suốt đêm là tiếng cồng chiêng từ sườn núi bên này vang lên, vọng qua sườn núi bên kia, lại dội lại sườn núi bên này vang vọng như tiếng ngân nga của hồn đất, hồn rừng, hồn núi và sông...”. Không sống bằng cả tâm hồn, trí óc và con tim với âm vang cồng chiêng Tây Nguyên thì không thể nào viết được những đoạn văn sâu lắng, cảm động đến như vậy!

3. Kết luận

Tây Nguyên với bề dày lịch sử hàng nghìn năm đã hình thành và lưu giữ nhiều giá trị văn hoá độc đáo. Sáng tác của Nguyên Ngọc là những phác họa chân thật, sinh động về văn hoá Tây Nguyên, đem đến cho người đọc những hiểu biết về Tây Nguyên khác hẳn với những nhà văn trước đây đã viết về miền núi và dân tộc thiểu số. Với Nguyên Ngọc, vẻ đẹp của con người Tây Nguyên vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa nhuần nhị các yếu tố thời đại. Con người thực sự là một

bộ phận của tự nhiên, bình đẳng và gắn kết với tự nhiên, tạo nên hàng loạt giá trị nhân bản độc đáo của văn hoá Tây Nguyên. Trong quan hệ văn học - văn hoá, văn học phát huy vai trò sáng tạo những mô hình nhân cách, sáng tạo những giá trị văn hoá. Vẻ đẹp văn hóa thiên nhiên Tây nguyên, vẻ đẹp văn hóa làng, văn hóa lễ hội, văn hóa nhà rông, vẻ đẹp các nhân vật như cụ Mết, Anh Núp, Tnú, Mai,... là những mô hình nhân cách, là những con người tiên tiến, là lý tưởng thẩm mỹ có giá trị nêu gương cho cả một thế hệ thanh niên các dân tộc trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng cuộc sống mới.

Với các tác phẩm viết về Tây Nguyên, Nguyên Ngọc đã góp phần xứng đáng làm toả sáng văn hoá Tây Nguyên, làm cho vùng văn hoá này hoà vào sự đa dạng, phong phú của văn hoá Việt Nam. Tây Nguyên là một vùng đất rộng lớn của Tổ quốc, vùng đất anh hùng, nhưng để hiểu biết hết về Tây Nguyên thì thật là khó. Nguyên Ngọc tâm sự: “Tôi là dân đồng bằng, từ bé nhìn lên miền núi thấy xa xôi...”. Xuân Diệu cũng đã từng nói “Cũng như xa quá nên ta chỉ thấy núi in như một miếng bìa”. Các sáng tác của Nguyên Ngọc làm cho chúng ta gần lại với Tây Nguyên, hiểu nhiều hơn về văn hoá Tây Nguyên, thấy được nét tương đồng cũng như nét khác biệt trong bản sắc văn hoá chung của các dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trường Lưu (1999), *Văn học trong hành trình văn hoá*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [2] Hà Minh Đức (1998), *Nhà văn nói về tác phẩm*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), Nguyễn Văn Long (1998), *Văn 12*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thế Khoa (2002), “Nguyên Ngọc - Những suy tư ở tuổi Nhân sinh thất thập”, Báo Người Hà Nội.
- [5] *Kon Tum - đất nước con người*, Giáo trình địa phương học Tỉnh Kon Tum, NXB Đà Nẵng.
- [6] Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hoá học - Đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [7] Nguyên Ngọc (2009), *Nguyên Ngọc tác phẩm (tập 1; tập 2; tập 3)*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.